

Số: 3227/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 10 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020**  
**huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ (lần 4)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ (lần 1); Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ (lần 2); Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ (lần 3);*

*Theo đề nghị của UBND huyện Thanh Ba (Tờ trình số 1590/TTr-UBND 05/11/2020) và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 830/TTr-TNMT ngày 04/12/2020).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Thanh Ba với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Phân bổ diện tích các loại đất:**

- Diện tích đất nông nghiệp là 14.477,43 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,35 ha; cụ thể:

+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 1.453,92 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,52 ha;

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm là 4.927,25 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,12 ha;

+ Diện tích đất rừng sản xuất là 3.016,80 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,11 ha;

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 449,33 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,40 ha.

- Diện tích đất phi nông nghiệp là 4.750,14 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,35 ha; cụ thể:

+ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là 1.671,68 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,18 ha.

+ Đất ở tại nông thôn là 1.043,53 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,20 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 13,98 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,03 ha.

Chỉ tiêu các loại đất khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Ba đã được UBND tỉnh phê duyệt.

**Biểu 01: Chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Ba**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2020 (ha)	Diện tích điều chỉnh, bổ sung kế hoạch SDD năm 2020 (ha)	So sánh tăng giảm
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>19.465,35</b>	<b>19.465,35</b>	-
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	NNP	<b>14.477,78</b>	<b>14.477,43</b>	<b>-0,35</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.198,33	4.198,33	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	<i>3.009,56</i>	<i>3.009,56</i>	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.454,44	1.453,92	-0,52
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.927,37	4.927,25	-0,12
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	290,19	290,19	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	108,05	108,05	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.016,91	3.016,80	-0,11
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	448,93	449,33	0,40
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	33,56	33,56	-
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	PNN	<b>4.749,79</b>	<b>4.750,14</b>	<b>0,35</b>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2020 (ha)	Diện tích điều chỉnh, bổ sung kế hoạch SDD năm 2020 (ha)	So sánh tăng giảm
2.1	Đất quốc phòng	CQP	252,76	252,76	-
2.2	Đất an ninh	CAN	0,88	0,88	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	106,21	106,21	-
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	13,24	13,24	-
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	161,29	161,29	-
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.671,50	1.671,68	0,18
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,00	0,00	-
2.11	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	1,29	1,29	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,33	0,33	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.043,33	1.043,53	0,20
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	74,53	74,53	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,01	13,98	-0,03
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,92	2,92	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	12,02	12,02	-
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	130,53	130,53	-
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	97,91	97,91	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	15,91	15,91	-
2.22	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	1,18	1,18	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	10,72	10,72	-
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	926,71	926,71	-
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	211,88	211,88	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,64	0,64	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2020 (ha)	Diện tích điều chỉnh, bổ sung kế hoạch SDD năm 2020 (ha)	So sánh tăng giảm
					-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	237,78	237,78	0,00
4	Đất khu công nghệ cao	KCN	-	-	-
5	Đất khu kinh tế	KKT	-	-	-
6	Đất đô thị	KDT	485,53	485,53	0,00

## 2. Danh mục các công trình, dự án đề nghị điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020:

Công trình, dự án điều chỉnh, bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020: 02 công trình, dự án.

*(Chi tiết danh mục công trình, dự án tại Phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020; tham mưu việc thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND huyện Thanh Ba có trách nhiệm;

- Tổ chức công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Thanh Ba và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Trọng Tấn**



**Phụ biểu: Danh mục công trình điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ**  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Phú Thọ)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất							Căn cứ pháp lý
				HNK	CLN	NTS	RSX	TSC	DGT	DTL	
<b>I</b>	<b>Các công trình bổ sung mới</b>										
1	Cải tạo ĐZ 110kV từ TBA 220kV Phú Thọ - Bãi Bằng - Việt Trì	Các xã: Đại An, Khai Xuân, Đông Thành	0,28	0,01	0,12		0,11	0,03		0,01	Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ
<b>II</b>	<b>Công trình dự án đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 nay điều chỉnh, bổ sung</b>										
<b>A</b>	<b>Dự án, vị trí, diện tích, cơ cấu loại đất theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt</b>										
1	Đất đấu giá QSD đất và giao đất cho nhân dân tự xây nhà ở	Khu 1, khu 6, xã Đỗ Sơn	0,90	0,50		0,40					
<b>B</b>	<b>Nay xin điều chỉnh tên địa điểm, diện tích, cơ cấu loại đất</b>										
1	Đất đấu giá QSD đất và giao đất cho nhân dân tự xây nhà ở	Khu Đỗ Sơn 1, xã Đỗ Sơn,	1,10	1,01				0,05	0,04	Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ (điều chỉnh tên từ khu 1 thành tên khu Đỗ Sơn 1; điều chỉnh diện tích tăng 0,20 ha đất khác, từ 0,90 ha hành 1,10 ha)	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1,38</b>	<b>1,02</b>	<b>0,12</b>	<b>-</b>	<b>0,11</b>	<b>0,03</b>	<b>0,05</b>	<b>0,05</b>	